UỶ BAN NHÂN DÂN **XÃ HOẰNG TIẾN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 2206/QĐ-UBND	*Hoằng Tiến, ngày 04 tháng 11 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt dự án Nâng cấp mở rộng tuyến đường thôn Ngọc Chuế (đoạn từ đường cổng làng ĐH.HH13 qua nhà văn hóa đến cuối thôn Chuế 2 cũ)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ HOẰNG TIẾN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật đầu tư công ngày 29/11/2024; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật đấu thầu, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật hải quan, Luật thuế giá trị gia tăng, Luật thuế xuất nhập khẩu, thuế nhập khẩu, Luật đầu tư, Luật đầu tư công, Luật quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25/6/2025;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 10/12/2025;

Căn cứ Nghị quyết số 257/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế- xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miên núi giai đoạn 2026- 2035;

Căn cứ các nghị định của Chính Phủ: Số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 275/2025/NĐ-CP ngày 18/10/2025 Về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị đinh số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 207/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 quy định chi tiết một số điều của Luật xây dựng về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 206/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 Quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 217/2026/NĐ-CP ngày 19/6/2026 Quy định chi tiết một số điều của Luật xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ các Thông tư của Bộ xây dựng: Số 36/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 hướng dẫn một số nội dung, phương pháp xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 37/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 hướng dẫn phương pháp xác định định mức dự toán và các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật; số 38/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 ban hành định mức xây dựng;

Các Quyết định của Sở Xây dựng: số 391/QĐ-SXD ngày 14/05/2025 của Sở Xây dựng Thanh Hóa về việc Công bố đơn giá nhân công xây dựng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; số 822/QĐ-SXD ngày 29/7/2025 Sửa đổi khu vực để tính đơn giá nhân công tại Quyết định số 391/QĐ-SXD ngày 14/5/2025; số 945/QĐSXD ngày 12/9/2025 về việc công bố bảng giá ca máy và thiết bị thi công trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; Công văn số 7425/SXD-KTVL ngày 04/7/2026 của Sở Xây dựng tỉnh Thanh Hóa về việc hướng dẫn xác định đơn giá nhân công xây dựng, bảng giá ca

máy và thiết bị thi công theo Nghị định số 206/2026/NĐ-CP ngày 26/6/2026 của Bộ Xây dựng; Công bố giá vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh quý III năm 2026 của Sở Xây dựng Thanh Hóa;

Căn cứ các Nghị Quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa khóa XIX, kỳ họp thứ 6: Số 72/NQ-HĐND ngày 10/9/2026 Về dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 nguồn vốn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế- xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035; giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030 tỉnh Thanh Hóa; số 73/NQ-HĐND ngày 10/9/2026, về dự kiến Kế hoạch đầu tư công năm 2026 nguồn vốn ngân sách trung ương thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế -xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035;

Căn cứ Thông báo kết luận số 285-TB/ĐU ngày 17/9/2026 của Ban thường vụ Đảng ủy xã Hoằng Tiến về Danh mục dự án thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và phát triển văn hóa trên địa bàn xã Hoằng Tiến;

Căn cứ các Quyết định của Chủ tịch UBND xã Hoằng Tiến: Số 1420/QĐ-UBND ngày 19/9/2026 về việc phê duyệt nhiệm vụ khảo sát; lập báo cáo kinh tế kỹ thuật; số 1429/QĐ-UBND ngày 20/9/2026 về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu tư vấn khảo sát, lập báo cáo kinh tế kỹ thuật dự án Nâng cấp mở rộng tuyến đường thôn Ngọc Chuế (đoạn từ đường cổng làng ĐH.HH13 qua nhà văn hóa đến cuối thôn Chuế 2 cũ);

Căn cứ Báo cáo thẩm tra số 20/BCTTr-HLC ngày 01/11/2026 của Công ty TNHH đầu tư xây dựng Hoàng Long HLC về việc Báo cáo kết quả thẩm tra báo cáo kinh tế kỹ thuật dự án: Nâng cấp mở rộng tuyến đường thôn Ngọc Chuế (đoạn từ đường cổng làng ĐH.HH13 qua nhà văn hóa đến cuối thôn Chuế 2 cũ);

Căn cứ Báo cáo kết quả thẩm định số 186/BCTĐ-KT ngày 04/11/2026 của phòng Kinh tế về việc thẩm định Báo cáo kinh tế kỹ thuật dự án Nâng cấp mở rộng tuyến đường thôn Ngọc Chuế (đoạn từ đường cổng làng ĐH.HH13 qua nhà văn hóa đến cuối thôn Chuế 2 cũ).

Căn cứ Tờ trình số 904/TTr-KT ngày 04/11/2026 của Phòng Kinh tế về việc phê duyệt dự án Nâng cấp mở rộng tuyến đường thôn Ngọc Chuế (đoạn từ đường cổng làng ĐH.HH13 qua nhà văn hóa đến cuối thôn Chuế 2 cũ).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án Nâng cấp mở rộng tuyến đường thôn Ngọc Chuế (đoạn từ đường cổng làng ĐH.HH13 qua nhà văn hóa đến cuối thôn Chuế 2 cũ), với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Nâng cấp mở rộng tuyến đường thôn Ngọc Chuế (đoạn từ đường cổng làng ĐH.HH13 qua nhà văn hóa đến cuối thôn Chuế 2 cũ),

2. Nhóm dự án, loại và cấp công trình: Nhóm C, Công trình giao thông, cấp IV.

3. Mã định danh (nếu có):

4. Địa điểm thực hiện dự án: Xã Hoằng Tiến, tỉnh Thanh Hóa.

5. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND xã Hoằng Tiến.

6. Chủ đầu tư: UBND xã Hoằng Tiến.

7. Nhà thầu lập Báo cáo KT-KT; Nhà thầu khảo sát xây dựng: Công ty TNHH xây dựng Thuỷ Lợi An Phát.

8. Nhà thầu thẩm tra Báo cáo KT-KT: Công ty TNHH đầu tư xây dựng Hoàng Long HLC.

9. Mục tiêu dự án:

- Hoàn thiện hạ tầng: Đồng bộ tuyến đường trục chính nối thôn Chuế 2 cũ với đường liên xã ĐH.HH13, góp phần nâng cao Tiêu chí số 2 về Giao thông đồng thời thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2026–2035.

- Phát triển kinh tế - xã hội: Phục vụ nhu cầu đi lại, giao thương an toàn và nâng cao chất lượng cuộc sống cho 145 hộ dân (gần 640 nhân khẩu).

- An ninh và Cứu hộ cứu nạn: Đảm bảo giao thông thông suốt để ứng phó, ứng cứu kịp thời khi có thiên tai, bão lũ hoặc cháy rừng xảy ra tại khu vực chân núi

10. Quy mô đầu tư xây dựng:

Nâng cấp, mở rộng tuyến đường chiều dài khoảng 1,045 Km. Hệ thống thoát nước dọc, thoát nước ngang đường và một số hạng mục phụ trợ khác

- Điểm đầu Km0+000 giao với đường bê tông nhựa (tại ngã 3 giao với ĐH.HH13).

- Điểm cuối Km1+45,19 tại đường bê tông hiện trạng cuối thôn Ngọc Chuế 2 giáp nghĩa địa.

a/ Thiết kế trắc dọc: Thiết kế theo nguyên tắc đường bao, bám theo cao độ nền đường cũ, giảm thiểu khối lượng bù vênh

b/ Thiết kế trắc ngang:

- Đoạn 1: Áp dụng phạm vi dân cư 02 bên: từ (Km0+5.50 -:- Km0+150) và (Km0+586.43 -:- 627.85)

• Chiều rộng nền đường: Bntb = 6,88m (bao gồm rãnh dọc 02 bên tuyến)

• Chiều rộng mặt đường : Bm=5,0m

• Chiều rộng rãnh thoát nước : Br=(2x0,94)m;

• Độ dốc ngang mặt đường: $i_m = 2\%$

- Đoạn 2: từ (Km0+150 -:- Km0+ 586.43) và (Km0+627.85 -:- Km0+ 813.90) áp dụng phạm vi dân cư 01 bên

• Chiều rộng nền, mặt đường: Bntb = 6,44m; (bao gồm rãnh dọc phải tuyến)

• Chiều rộng mặt đường : Bmặt = 5,0m;

• Chiều rộng rãnh thoát nước : Br=(1x0,94)m; rãnh phải tuyến

• Độ dốc ngang mặt đường: $i_m = 2\%$

- Đoạn 3: Từ Km0+813.90 -:- Km1+045.19

• Chiều rộng nền đường: Bnền = 6,00m

• Chiều rộng mặt đường : Bmặt = 5,0m;

• Chiều rộng lề đất: Blđ = 2x0,50m = 1.0m

• Độ dốc ngang mặt đường: $i_m = 2\%$

c/ Thiết kế nền đường:

- Phần nền đường hiện trạng: giữ nguyên nền đường hiện trạng.

- Phần nền đường mở rộng: Đắp nền đường bằng đất đồi, đảm bảo độ chặt K ≥ 0,95; độ dốc mái ta luy 1/1,50; Trước khi đắp nền phải bóc bỏ phong hoá chiều dày 20cm với phần nền đường; phạm vi qua ao đào xử lý tb 50cm. Phải đào cấp, nếu đắp nền trên sườn dốc ≥ 20%, chiều rộng cấp Bmin=0,5m. Lớp đất sát đáy áo đường đắp đất đồi đầm chặt K95

d/ Thiết kế kết cấu áo đường:

- Kết cấu mặt đường KC1: Kết cấu mở rộng và hoàn trả kết cấu tiếp giáp rãnh, có cấu tạo theo thứ tự từ trên xuống như sau:

+ Lớp mặt bê tông nhựa chặt C16, dày 6cm;

+ Tưới nhựa dính bám, tiêu chuẩn nhựa 0,5kg/m2;

+ Láng nhựa TCN 1,8 kg/m2 dày 1,5cm;

+ Lớp móng đá 4x6 chèn đá dăm, dày 12cm;

+ Lớp móng đá 4x6 chèn đá dăm, dày 24cm;

+ Lớp đất nền K95 dày 30cm.

- Kết cấu mặt đường KC2 (áp dụng cho phạm vi trên mặt đường cũ mặt đường bê tông xi măng hiện trạng còn tốt, có cấu tạo theo thứ tự từ trên xuống như sau:

+ Lớp mặt bê tông nhựa chặt C16, dày 6cm;

+ Tưới nhựa dính bám, tiêu chuẩn nhựa 0,5kg/m2;

+ Láng nhựa TCN 1,8 kg/m2 dày 1,5cm;

+ Lớp móng đá 4x6 chèn đá dăm, dày 12cm;

+ Bù vênh mặt đường bằng đá 4x6 chèn đá dăm;

+ Vệ sinh mặt đường cũ

- Kết cấu mặt đường KC3: Kết cấu lề gia cố (áp dụng cho phạm vi tiếp giáp rãnh xây dựng mới và tường rào nhà dân)

+ Lớp BTXM M250 dày 15cm;

+ Lớp nilong tái sinh.

- Giải pháp thiết kế vuốt nối dân sinh, nút giao: Trên tuyến chính có 17 vị trí đường ngang dân sinh và 1 vị trí vuốt giao với đường ĐH.HH13

Kết cấu vuốt nối đường ngang dân sinh:

+ Lớp mặt bê tông nhựa chặt C16, dày 6cm;

+ Tưới nhựa dính bám, tiêu chuẩn nhựa 0,5kg/m2;

+ Láng nhựa TCN 1,8 kg/m2 dày 1,5cm;

+ Bù vênh mặt đường bằng đá 4x6 chèn đá dăm

e/ Thiết kế hệ thống thoát nước:

- Rãnh được thiết kế bằng gạch xây, kết hợp nắp đan bê tông cốt thép nhằm bảo đảm khả năng chịu lực của phần chịu tải, đồng thời phù hợp với điều kiện thi công, kinh tế và yêu cầu khai thác của công trình. Cụ thể, sử dụng loại rãnh kín tấm đan chịu lực, thân rãnh xây bằng gạch không nung tiêu chuẩn, vữa xi măng mác M75, khẩu độ rãnh B×H = (50×70) cm;

+ Kết cấu rãnh: Thân rãnh bằng gạch không nung tiêu chuẩn xây VXM M75 dày 22cm, trát vữa bảo vệ dày 1,5cm VXM M75; Mũ mố rãnh bằng BTCT M250 đá 1x2; Bê tông móng M200 đá 1x2 dày 15cm; trên lớp đá dăm đệm 4x6 dày 10cm; nắp rãnh chịu lực bằng BTCT M250 loại L1 rộng 94cm; chiều dày tại vị trí nhỏ nhất 12cm và bố trí giật khấc 3cm để chống chuyển vị;

- Hố ga thu nước: Kết cấu bằng gạch không nung tiêu chuẩn VXM M75 dày 22cm; trát vữa bảo vệ dày 1,5cm VXM M75; Mũ mố rãnh bằng BTCT M250 đá 1x2; Bê tông móng M200 đá 1x2 dày 15cm; trên lớp đá dăm đệm 4x6 dày 10cm; đáy hố thu sâu hơn đáy rãnh 30cm để lắng cặn; nắp hố thu bằng BTCT M250 đá 1x2 loại L2 rộng 94cm, chiều dày tại vị trí nhỏ nhất 12cm và bố trí giật khấc 3cm để chống chuyển vị; trên mỗi tấm đan bố trí 06 khe thu nước rộng 3 cm, bước tim khe (tim–tim) là 15 cm; Khoảng cách bố trí hố ga thu nước trung bình 25 ÷ 30 m/hố.

- Rãnh qua đường ngang dân sinh: Kết cấu bằng BTXM M200 dày 20cm; trên lớp đá dăm 4x6 dày 10cm; mũ mố bằng BTCT M250; nắp rãnh chịu lực bằng BTCT M250 loại L3 rộng 90cm, chiều dày vị trí nhỏ nhất 15cm và bố trí giật khấc 3cm để chống chuyển vị

- Cửa xả được bố trí tại vị trí phù hợp, đấu nối với hệ thống cống thoát nước ngang và kênh, rãnh hiện trạng; Kết cấu cửa xả: bằng BTXM M200, bê tông móng cửa xả trên lớp đá dăm đệm 4x6 dày 10cm, số lượng 02 cái

- Thoát nước ngang: Toàn tuyến có 02 công trình thoát nước ngang

+ Thiết kế mới 01 cống bản khẩu độ B=1,5m tại cọc C2: Km0+ 832.32: Toàn bộ móng cống, chân khay, thân cống, tường đầu bằng bê tông M200; mũ mố bằng BTCT-M250; bản BTCT M300 dày 18cm lắp ghép; móng đặt trên lớp đá dăm đệm dày 10 cm

+ Thiết kế rãnh chịu lực ngang đường B=50cm tại cọc TC8: Km0+634,77 Kết cấu bằng BTCT M200 dày 20cm; chiều cao trung bình Htb=83cm trên lớp đá dăm 4x6 dày 10cm; mũ mố bằng BTCT M250, nắp rãnh chịu lực bằng BTCT M250 rộng 90cm, chiều dày vị trí nhỏ nhất 15cm và bố trí giật khấc 3cm để chống chuyển vị

g/ Thiết kế hệ thống an toàn giao thông:

Hệ thống ATGT được thiết kế đảm bảo theo yêu cầu quy định theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN41:2024/BGTVT, phù hợp với các quy định hiện hành, các văn bản hướng dẫn của Bộ GTVT.

- Vạch 1.1: Vạch tim đường để phân cách hai luồng xe ngược chiều. Vạch có màu vàng đứt nét cho phép chạy đè lên vạch để vượt xe khác hoặc rẽ về bên trái. Chiều rộng vạch sơn 15cm chiều dài mỗi vạch là 1m, khoảng cách giữa 2 vạch là 3m;

- Vạch giảm tốc độ: để báo cho người điều khiển phương tiện biết phía trước cần phải giảm tốc độ, đồng thời bản thân vạch cũng được cấu tạo để góp phần làm giảm tốc độ xe chạy. Vạch được bố trí ở trước và trong các đoạn đường, nơi bắt buộc phải giảm tốc độ (trước các nút giao, gần các điểm quay đầu xe, trên đường phụ giao với đường chính…).

+ Vạch sơn gờ giảm tốc được thiết kế tuân thủ theo TCCS 34:2020/TCĐBVN- Gờ giảm tốc, gồ giảm tốc trên đường bộ - Yêu cầu thiết kế ngày 28/12/2020.

Nội dung thiết kế:

+ Sơn thiết kế mới theo quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành với vận tốc thiết kế V≤ 60km/h.

+ Chiều dày vạch sơn thiết kế là 2mm đối với vạch sơn thường và 6mm với vạch sơn cụm gờ giảm tốc cho mặt đường thiết kế làm mới.

- Biển báo nguy hiểm và cảnh báo: Biển tam giác đều, cạnh L = 90cm; bằng tôn tráng kẽm dày 2mm có dán màng phản quang. Cột sắt mạ kẽm ống đường kính = D90 dày 3,0mm được dán màng phản quang trắng, đỏ. Móng cột bằng bê tông M150 đổ tại chỗ

h/An toàn giao thông khi thi công:

Lắp đặt các biển báo biển chỉ dẫn cho các phương tiện và người dân biết khi tham gia giao thông, về ban đêm có các đèn báo nguy hiểm lắp đặt trước công trường, trong phạm vi thi công được bao bằng hàng rào dây trơn phản quang, cọc tiêu. Thời gian đầu tổ chức thi công bố chí nhân công cảnh giới và hướng dẫn giao thông phạm vi thi công. Toàn tuyến chia làm 01 mũi thi công để đảm bảo tiến độ xây dựng

(Chi tiết xem hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công)

11. Danh mục quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng:

Theo Quyết định số 1420/QĐ-UBND ngày 19/9/2026 về việc phê duyệt nhiệm vụ khảo sát; lập báo cáo kinh tế kỹ thuật.

12. Tổng mức đầu tư xây dựng dự án: 8.905.954.000 đồng *(Bằng chữ: Tám tỷ, chín trăm linh năm triệu, chín trăm năm mươi bốn nghìn đồng)*

Trong đó:

- Chi phí xây lắp	7.571.214.000	đồng.
- Chi phí QLDA	210.690.000	đồng.
- Chi phí TVĐTXD	581.643.000	đồng.
- Chi phí khác	118.314.000	đồng.
- Chi phí dự phòng	424.093.000	đồng.

13. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2026-2027.

14. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo thời gian thực hiện dự án.

14.1. Nguồn vốn đầu tư: Vốn ngân sách tỉnh theo Nghị quyết số 72/NQ-HĐND ngày 10/9/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa khóa XIX, kỳ họp thứ 6, Ngân sách xã và huy động hợp pháp khác.

14.2. Dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo thời gian thực hiện dự án: Năm 2026 - 2027.

15. Hình thức quản lý dự án: Thuê quản lý dự án.

16. Yêu cầu về nguồn lực, khai thác sử dụng tài nguyên (nếu có); phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (nếu có): Không.

17. Các nội dung khác (nếu có): Không

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

- Giao UBND xã Hoằng Tiến (Chủ đầu tư) căn cứ nội dung tại Điều 1 quyết định, tổ chức triển khai thực hiện các bước tiếp theo đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền của Luật Đầu tư công và pháp luật liên quan.

- Phòng Kinh tế và các đơn vị liên quan, theo chức năng, nhiệm vụ, có trách nhiệm phối hợp, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc chủ đầu tư thực hiện nhiệm vụ theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND&UBND xã; Trưởng phòng Kinh tế xã và các cơ quan đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3 QĐ;
- Chủ tịch UBND xã(b/c);
- Lưu: VT, KT.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

U.B.N.D XÃ HOẰNG TIẾN T.THANH HÓA

Lê Văn Trọng

BẢNG TỔNG HỢP TỔNG MỨC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

Dự án: Nâng cấp mở rộng tuyến đường thôn Ngọc Chuế (đoạn từ đường cổng làng ĐH.HH13 qua nhà văn hóa đến cuối thôn Chuế 2 cũ)

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /11/2026 của Chủ tịch UBND xã Hoằng Tiến)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	Tỷ lệ %	Hệ số	CÁCH TÍNH	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	GIÁ TRỊ SAU THUẾ	KÝ HIỆU
1	**Chi phí xây dựng**				**6.967.289.143**	**603.925.443**	**7.571.214.000**	**Gxd**
1.1	Chi phí xây dựng công trình chính				6.891.482.832	597.860.938	7.489.343.770	
1.1.1	NỀN, MẶT ĐƯỜNG		1	Theo bảng tổng hợp dự toán hạng mục	4.781.688.942	416.292.839	5.197.981.781	
1.1.2	RÃNH THOÁT NƯỚC DỌC + THOÁT NƯỚC NGANG		1	Theo bảng tổng hợp dự toán hạng mục	2.109.793.890	181.568.099	2.291.361.989	
1.2	Chi phí nhà tạm để ở và điều hành thi công hạng mục xây dựng			Theo bảng tổng hợp dự toán hạng mục	75.806.311	6.064.505	81.870.816	
2	**Chi phí quản lý dự án**	**3,024%**		**(Gxd+Gtb) trước thuế x tỷ lệ**	**195.084.096**	**15.606.728**	**210.690.000**	**Gqlda**
3	**Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng**				**538.558.906**	**43.084.713**	**581.643.000**	**Gtv**
3.1	Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát xây dựng	3%		Quyết định số1420/QĐ-UBND ngày19/9/2026 của UBND xã Hoằng Tiến	1.413.889	113.111	1.527.000	
3.2	Chi phí khảo sát, lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật (Bảng 2.6 Thông tư 38/2026/TT-BXD)	2,744%		Quyết định số1420/QĐ-UBND ngày19/9/2026 của UBND xã Hoằng Tiến	259.574.074	20.765.926	280.340.000	
3.3	Chi phí thẩm tra Báo cáo kinh tế - kỹ thuật (Thông tư 38/2026/TT-BXD)	0,336%	1,2	Quyết định số1420/QĐ-UBND ngày19/9/2026 của UBND xã Hoằng Tiến	28.559.259	2.284.741	30.844.000	
3.4	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu thi công xây dựng (Bảng 2.22 Thông tư 38/2026/TT-BXD)	0,346%		Dự toán gói thầu XD trước thuế x tỷ lệ	24.106.820	1.928.546	26.035.000	
3.5	Chi phí giám sát thi công xây dựng (Bảng 2.24 Thông tư 38/2026/TT-BXD)	3,203%		Dự toán gói thầu XD trước thuế x tỷ lệ	223.162.271	17.852.982	241.015.000	
3.6	Chi phí giám sát công tác khảo sát xây dựng (Bảng 2.26 Thông tư 38/2026/TT-BXD)	4,072%		Quyết định số1420/QĐ-UBND ngày19/9/2026 của UBND xã Hoằng Tiến	1.742.593	139.407	1.882.000	

4	**Chi phí khác**				**110.944.166**	**7.371.523**	**118.314.000**	**Gk**
4.1	Phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng (Thông tư 28/2023/TT-BTC)	0,019%	0,5	Tổng mức đầu tư x tỷ lệ	846.066		846.000	
4.2	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán (Nghị định 193/2026/NĐ-CP)	0,429%	0,5	Giá trị quyết toán do chủ đầu tư đề nghị phê duyệt; Tổng mức đầu tư x tỷ lệ	19.121.000		19.121.000	
4.3	Chi phí kiểm toán độc lập (Nghị định 193/2026/NĐ-CP)	0,714%		Giá trị cần kiểm toán của dự án; Tổng mức đầu tư x tỷ lệ	63.579.606	5.086.368	68.665.000	
4.4	Chi phí đảm bảo an toàn giao thông phục vụ thi công			Theo bảng tổng hợp dự toán hạng mục	27.397.494	2.285.155	29.682.000	
5	**Chi phí dự phòng**						**424.093.000**	**Gdp**
5.1	Dự phòng cho yếu tố khối lượng phát sinh	5%		(Ggpmb+Gxd+Gtb+Gqlda+Gtv+ Gk) sau thuế x tỷ lệ			424.093.000	
	Tổng cộng				**7.811.876.311**	**669.988.407**	**8.905.954.000**	**Gxdct**
Bằng chữ: Tám tỷ, chín trăm linh năm triệu, chín trăm năm mươi bốn nghìn đồng								